

KHAI QUẬT DI TÍCH CHÙA HỒ BẮC XÃ NGHĨA PHƯƠNG, HUYỆN LỤC NAM (BẮC GIANG) NĂM 2022

THÂN VĂN TIỆP*

Mở đầu

Yên Tử trở thành trung tâm của Phật giáo khi vua Trần Nhân Tông đã từ bỏ ngai vàng đến đây tu hành, nghiên cứu Phật pháp, thành lập một dòng Phật giáo đặc trưng của Việt Nam, đó là dòng thiền Trúc Lâm Yên Tử và trở thành vị tổ thứ nhất với pháp danh Điều Ngự Giác Hoàng Trần Nhân Tông (1258-1308). Ông đã cho xây dựng hàng trăm công trình lớn nhỏ trên núi Yên Tử để làm nơi tu hành và truyền kinh, giảng đạo. Sau khi ông qua đời, người kế tục sự nghiệp là Pháp Loa Đồng Kiên Cương (1284-1330), vị tổ thứ hai của dòng Trúc Lâm. Trong 26 năm tu hành, ông đã soạn ra bộ sách *Thạch thất mị ngữ* và cho xây dựng 800 ngôi chùa, am, tháp lớn nhỏ trong nước với hàng nghìn pho tượng có giá trị, trong đó có những chùa nổi tiếng như chùa Quỳnh Lâm, chùa Hồ Thiên ở Đông Triều, chùa Vĩnh Nghiêm (Bắc Giang)... (Nguyễn Lang 1979) Vị tổ thứ ba của phái Trúc Lâm là Huyền Quang Lý Đạo Tái (1254-1334).

Ngày nay, Yên Tử là một trong những trung tâm Phật giáo lớn của Việt Nam. Núi Yên Tử hiện còn lưu giữ một hệ thống các di tích lịch sử văn hóa gắn với sự ra đời, hình thành và phát triển của thiền phái Trúc Lâm Yên Tử. Vốn là một thắng cảnh thiên nhiên, ngọn Yên Tử còn lưu giữ nhiều di tích lịch sử, được mệnh danh là "đất tổ Phật giáo Việt Nam". Tại vùng núi non thiêng Yên Tử đó vốn từng có nhiều công trình kiến trúc chùa, tháp, am thờ, hệ thống đường hành hương được xây dựng, tạo nên một phức hệ hay một quần thể di tích kiến trúc Phật giáo độc đáo và mang đậm dấu ấn của nhiều thời kỳ lịch sử, kéo dài từ thời Trần (thế kỷ XIII - XIV) đến tận thời Nguyễn (thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX).

Xung quanh khu vực Đông Yên Tử có các di tích và danh thắng quan trọng như: Chùa Quỳnh Lâm, chùa Ngọa Vân, chùa Hồ Thiên (Đông Triều, Quảng Ninh), chùa Côn Sơn, chùa Thanh Mai (Chí Linh, Hải Dương).

Khu vực Tây Yên Tử, qua điều tra khảo sát xác định được nhiều dấu tích các ngôi chùa cổ Hòn Tháp (Cẩm Lý, Lục Nam), Mã Yên (Bắc Lũng, Lục Nam), Bình Long (Huyện Sơn, Lục Nam). Đây là các di tích quan trọng trong hệ thống các chùa và thiền viện gắn chặt với sự hình thành và phát triển của thiền phái Trúc Lâm, đồng thời cũng là những di tích đã được trùng tu mạnh mẽ vào thời Lê Trung hưng - song song với quá trình phục hưng của Phật giáo ở Yên Tử.

* Viện Khảo cổ học

Mục đích khai quật để xác định các dấu tích kiến trúc trên các phương diện mặt bằng kiến trúc, loại hình kiến trúc, niên đại di tích. Nghiên cứu đánh giá giá trị lịch sử - văn hóa của địa điểm chùa Hồ Bắc, mối liên hệ của di tích này với hệ thống chùa - tháp thời Trần trên địa bàn tỉnh Bắc Giang.

Bổ sung các cứ liệu khoa học, chứng minh về niên đại của di tích, các dấu vết kiến trúc theo tư liệu còn lưu lại tại di tích. Phục vụ cho việc xây dựng Hồ sơ khoa học Quần thể di tích và danh thắng Yên Tử (Quảng Ninh, Bắc Giang, Hải Dương), trình UNESCO công nhận là di sản thế giới, góp phần bảo vệ và phát huy giá trị di tích.

1. Kết quả khai quật

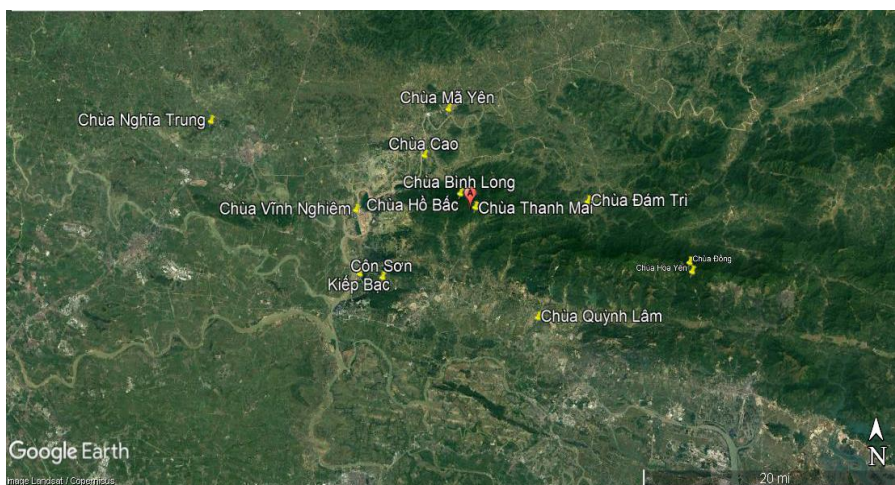
1.1. Vị trí địa lý và cảnh quan khu vực chùa Hồ Bắc

Vị trí địa lý

Chùa Hồ Bắc tên chữ Phúc Chủ tự, nằm trên dãy Huyền Đinh - Yên Tử, thuộc xã Nghĩa Phương, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang. Địa điểm chùa Hồ Bắc nằm trong khoảng tọa độ $21^{\circ}13'57''$ vĩ Bắc; $106^{\circ}27'32''$ độ Đông, cao hơn 650m so với mực nước biển. Xung quanh có nhiều vực sâu, cây rừng bao phủ (Hình 1).

Di tích chùa Hồ Bắc được Bảo tàng tỉnh Bắc Giang phát hiện năm 1998, dấu tích còn lại là các di vật cối đá, chân tảng, đá kè, gạch... (Nguyễn Thế Khởi 1999: 450-452).

Năm 2014, Viện Khảo cổ tiến hành khai quật lần thứ nhất. Kết quả đã



Hình 1. Không ảnh vị trí chùa Hồ Bắc trong hệ thống di tích chùa thuộc thiên phái Trúc Lâm Yên Tử (Nguồn: google earth)

xác định được khu vực này có 4 cấp nền và các di vật gạch, ngói (Bùi Văn Hiếu 2015: 554-556). Kết quả khai quật cho thấy chùa Hồ Bắc còn lại hiện nay có niên đại thời Lê Tung hưng, thế kỷ XVII - XVIII, xây theo hướng Đông Nam, gồm 4 cấp nền (Nguyễn Văn Đáp 2016: 82-92).

Cảnh quan môi trường

Tọa lạc tại trên đỉnh núi cao, xung quanh địa điểm chùa Hồ Bắc có nhiều núi cao và vực sâu bao quanh. Chính những yếu tố đó đã tạo cho địa điểm chùa Hồ Bắc không gian tĩnh mịch.

Phía Đông và một phần phía Đông Nam, là khu vực địa hình có độ dốc lớn. Địa hình khu vực này có sự thay đổi đột ngột từ đỉnh núi (cấp nền trên cùng) xuống tới chân núi, khu vực có hồ nước. Do khu vực này có độ dốc lớn nên xung quanh được kè các cấp nền đá, tạo ra những bức tường đá kéo dài từ phía Đông sang phía Đông Nam nhằm mục đích chống sạt lở cho khu vực phía trên đỉnh. Khu vực này có 4 cấp bậc kè đá từ chân núi lên tới đỉnh. Phía chân núi từ Đông Nam sang phía Nam khu vực tiếp

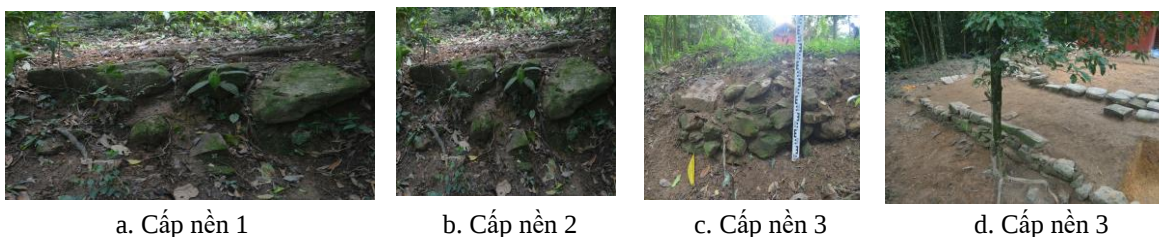
giáp với hồ nước địa hình dốc nhẹ, tương đối bằng phẳng, toàn bộ khu vực này hiện nay đã bị cây rừng bao phủ. Khu vực này có diện tích trên 4.200m² (Đông - Tây 72m; Bắc - Nam 58,40m).

- Cấp nền kê đá thứ nhất diện tích 115m² (Đông - Tây 24m; Bắc - Nam 4,80m) (*Hình 2a*).

- Cấp nền kê đá thứ hai diện tích 25,60m² (Đông - Tây 25,60m; Bắc - Nam 6,10m), cao hơn cấp nền kê đá thứ nhất 1,10m (*Hình 2b*).

- Cấp nền thứ ba bình đồ hình chữ nhật, là cấp nền rộng nhất với diện tích 815,4m² (Đông - Tây 30,20m; Bắc - Nam 27m), cao hơn cấp nền thứ hai 1,54m. Tại cấp nền 3 còn lại dấu tích của hai bậc cấp để đi lên cấp nền trên cùng (*Hình 2c*).

- Cấp nền trên cùng diện tích 192m² (Đông - Tây 16m; Bắc - Nam 12m), cao hơn cấp nền ba 1,52m. Nằm chồng xếp lên chính giữa cấp nền thứ ba, chia cấp nền thứ ba thành bốn phần là phần phía Đông, phần phía Tây, phần phía Nam và phần phía Bắc (*Hình 2d*).



Hình 2. Kê đá (Nguồn: Tác giả)

Phía Tây, ngay dưới cấp nền 3 là khe núi hẹp, thấp hơn cấp nền trên cùng 5,50m, qua khe núi này là 1 ngọn núi cao che chắn cho ngọn núi mà địa điểm chùa Hồ Bắc tọa lạc, khe núi này có một con đường mòn, đi theo đường mòn này khoảng 260m khu vực này có một con suối.

Phía Bắc và Tây Bắc, từ cấp nền ba, địa hình dốc thoải dần, tiếp đến là vực sâu rộng lớn toàn bộ vực sâu này là khu rừng già, cây cối bao phủ um tùm. Ở phía Bắc qua vực sâu này là 1 ngọn núi cao.

Phía Đông Bắc, là khu vực địa hình có độ dốc tương đối lớn, độ dốc khoảng 115°. So với mặt bằng cấp nền ba. Cách cấp nền ba 40m, khu vực này địa hình khá bằng phẳng, toàn bộ khu vực này giống các khu vực khác đều bị cây rừng bao phủ.

Phía Nam và Tây Nam, địa hình thoải dần dốc xuống hồ phía chân núi, càng gần tới hồ địa hình càng bằng phẳng. Tại phía Nam cũng có một hệ thống bậc cấp dẫn từ cấp nền 3 xuống đến khu vực chân núi.

Trên tổng thể địa hình khu vực địa điểm chùa Hồ Bắc có địa hình hiểm trở, xung quanh có núi cao bao bọc và hồ nước ở phía dưới (phía Đông Nam và phía Nam), tạo không gian thoáng đãng. Địa hình bao gồm 4 cấp nền, tuy nhiên chỉ có cấp nền thứ ba và cấp nền trên cùng địa hình là bằng phẳng. Thực tế cho thấy cấp nền ba là cấp nền có diện tích rộng hơn cả trong 4 cấp nền, bao bọc xung quanh được kê xếp bằng đá phiến theo lối ta-luy tạo thế vững chắc cho toàn bộ phần nền phía trong. Cấp nền trên cùng nằm chồng xếp trực tiếp trên cấp nền ba ở phần chính giữa dạng tháp xếp tầng, chia cấp nền ba thành 4 phần ở 4 hướng.

1.2. Diễn biến tầng văn hóa

Toàn bộ khu vực chùa Hồ Bắc bị cây rừng và cỏ dại che phủ, khu vực hồ khai quật hàng năm được người dân dọn vệ sinh, tuy nhiên do là khu vực núi cao ít người lui tới nên cỏ dại bao phủ toàn bộ bề mặt.

- Lớp mặt: Dày từ 7cm -12cm. Là lớp đất màu nâu xám lẫn nhiều lá cây và vật liệu ngói vỡ nát. Lớp này tương ứng với lớp trên trong cuộc khai quật năm 2014 là là lớp đất màu xám nhạt, bỏ rời lẫn một vài mảnh đá và ngói nhỏ dày từ 10cm-28cm (Nguyễn Văn Đáp 2016).

- Tiếp đến là lớp đầm nền trên toàn bộ khu vực cấp nền trên cùng và nửa cuối phía Bắc hồ khai quật. Lớp đầm nền nằm trọn trong phạm vi của bốn kè xếp đá bao quanh cấp nền trên cùng và kè xếp đá phía Bắc, Tây, Đông của cấp nền ba. Lớp đầm có độ dày 5cm-36cm, có hướng dốc (dày) dần từ Nam (trung tâm của cấp nền trên cùng) xuống phía Bắc, tức theo chiều dốc của địa hình.

Đặc điểm của lớp đầm bao gồm hai thành phần chính đá núi đầm lẫn với đất sét nâu vàng có độ kết dính cao ngoài ra còn lẫn nhiều mảnh vật liệu kiến trúc gạch, ngói vỡ vụn. Đá đầm toàn bộ là đá núi dạng đá phiến sét màu nâu tím, trắng ngà, vàng, đặc điểm của loại đá này là mềm dễ khai thác và đầm nhỏ. Đây là loại đá phổ biến dọc dải núi quanh khu vực này. Điều này cho thấy toàn bộ vật liệu đá để đầm lớp này được khai thác tại chỗ (Hình 3a).

Tại cấp nền trên cùng, nằm dưới lớp đầm nói trên xuất lộ lớp đắp nền thứ hai. Lớp đắp nền này nằm trực tiếp trên nền đá gốc và có sự khác biệt so với lớp đầm nền phía trên. Với đặc điểm là chính là lớp sét mịn màu vàng, đất gần như có sự chọn lọc để đắp tại đây. Lớp đầm nền thứ hai dày từ 10cm - 37cm, có hướng dốc dần từ Nam xuống Bắc, tức là dốc dần từ giữa xuống phía Nam của cấp nền trên cùng (Hình 3b).

Tại hố cắt ở góc Tây Bắc cấp nền ba cho thấy, ngay dưới lớp đất mặt là lớp đất đầm nền với 2 thành phần chính là đất và đá núi đầm nhỏ lẫn ít vật liệu ngói, lớp đất này có nhiều đặc điểm tương đồng với lớp đất thứ nhất tại cấp nền trên cùng. Và tại vị trí này hoàn toàn không thấy xuất lộ lớp đất sét mịn đắp nền như cấp nền trên cùng. Đặc biệt ngay dưới lớp đất đá đầm này xuất lộ rất nhiều di vật bao gồm đồ sành, mảnh ngói vỡ vụn nằm lẫn với đất màu xám nói xộp nằm trực tiếp trên nền đá gốc. Các di vật thu được tại lớp này toàn bộ có niên đại thời Trần thế kỷ XIII - XIV (Hình 3c).



a. Lớp đầm nền cấp nền trên cùng

b. Các lớp đắp nền cấp nền trên cùng

c. Lớp đầm nền góc Tây Bắc hồ khai quật

Hình 3. Diễn biến các tầng văn hóa (Nguồn: Tác giả)

Căn cứ vào diễn biến địa tầng tại cấp nền trên cùng và cấp nền ba, có thể thấy lớp đầm nền thứ nhất và lớp đầm nền ở cấp nền ba được hình thành vào thế kỷ XVII - XVIII. Lớp đắp thứ hai tại cấp nền trên cùng có thể được hình thành và sử dụng để tạo mặt bằng xây dựng các công trình kiến trúc vào giai đoạn thế kỷ XVIII - XIX. Sự xuất hiện của rất nhiều di vật thời Trần tại hố cắt vị trí cấp nền ba cho thấy, vào thế kỷ XVIII - XIX tại khu vực này không được sử dụng mà bản thân chỉ là nền đá gốc. Sau thế kỷ XIX, qua thời gian với sự tác động của biến đổi xã hội cùng tác động của điều kiện tự nhiên các di vật thời Trần bị trôi sạt, san gạt xuống khu vực này và có thể ở các vị trí thấp khác xung quanh cấp khu vực chùa Hồ Bắc. Đến thế kỷ XVII - XVIII, bị bao phủ bởi lớp đầm đất và đá như đã nói ở trên.

Sinh thổ: Là nền đá gốc tự nhiên có dấu hiệu được san gạt. Nền đá gốc có kết cấu cứng chắc và có hướng cao ở giữa và thấp thoải dần về xung quanh.

Trên tổng thể trong phạm vi hồ khai quật xác định được 2 lớp tôn đắp nền, trong đó lớp dưới nằm trực tiếp trên nền đá gốc là lớp đất sét mịn màu vàng và lớp đắp nền thứ hai là lớp đất sét đầm lặn với đá núi đầm nhỏ lẫn ít vật liệu gạch, ngói. Do nằm trên đỉnh núi do vậy, nền đá gốc được san gạt ở khu vực trung tâm (đỉnh), dấu vết san gạt để lại vẫn còn rất rõ ràng. Sau đó xung quanh triền núi được phủ các lớp đắp nền để tạo mặt bằng xây dựng.

1.3. Di tích

a. Di tích thời Trần (thế kỷ XIII - XIV)

Tại cấp nền trên cùng và cấp nền 3 tuy không xác định được dấu tích kiến trúc thời Trần nhưng qua diễn biến địa tầng cho thấy. Tại cấp nền trên cùng xuất lộ lớp đắp nền có thể của thời Trần (thế kỷ XIII - XIV). Tính chất và đặc điểm lớp đắp nền này đã nói ở trên. Sự xuất hiện của nhiều di vật thời Trần tại vị trí hố cắt cấp nền ba cho thấy, các dấu tích thời Trần có thể bị trôi sạt do tác động tự nhiên và hoạt động san gạt để làm mặt bằng xây dựng của giai đoạn sau (Hình 4).



Hình 4. Lớp đắp nền thời Trần



Hình 5. Lớp đắp nền thời Lê Trung hưng - Nguyễn

b. Di tích thời Lê Trung hưng, thế kỷ XVII - XVIII

Các dấu tích thời Lê Trung hưng bao gồm, dấu tích đầm nền, dấu tích sân nền, bậc lên xuống.

Dấu tích đầm nền: Dấu tích đầm nền thời Lê Trung hưng xuất lộ hầu hết trên mặt bằng hồ khai quật bao gồm toàn bộ cấp nền trên cùng và nửa phía Bắc của cấp nền ba trong phạm vi hồ khai quật (Hình 5).

Đặc điểm của lớp đầm nền là đất sét đầm nện chặt với đá núi đầm vụn bao phủ trên bề mặt để tạo mặt bằng xây dựng công trình kiến trúc. Lớp đầm có đặc điểm mỏng ở giữa và dày dần về xung quanh, do đặc điểm của địa hình ở trên đỉnh núi đã tạo ra.



Hình 6. Dấu tích sân nền thời Lê Trung hưng

Dấu tích sân nền: xuất lộ tại vị trí chính giữa của cấp nền trên cùng. Dấu tích còn lại là nền lát gạch dài theo chiều Bắc Nam 7,10m, rộng theo chiều Đông Tây 2,30m. Nằm cách tường kê đá phía Đông 6,60m, cách tường kê đá phía Tây 6,30m. Phía Bắc đã bị hố đào thời hiện đại phá hủy, phía Nam phần lớn diện tích sân nền đã bị chừa mồi hiện nay nằm chông đê lên. Sân nền thấp hơn nền đầm 7cm - 10cm (Hình 6).



Hình 7. Dấu tích bó nền thời Lê Trung hưng
(Nguồn: Tác giả)

Sân nền được xây xếp bằng gạch hình chữ nhật kích thước gạch dài từ 21cm - 26cm; rộng từ 9,5cm - 16cm.

Sân nền nằm dài theo chiều Bắc - Nam, chia đôi cấp nền trên cùng thành hai nửa mặt bằng phía Đông và nửa mặt bằng phía Tây. Mỗi nửa có diện tích trên 70m² (nửa phía Đông dài Bắc - Nam 12m; rộng theo chiều Đông - Tây 6,60m, nửa phía Tây dài Bắc - Nam 12m; rộng theo chiều Đông - Tây 6,30m).

Dấu tích bó nền: Xuất lộ tại góc Đông Bắc hố khai quật, song song với bờ kè đá tại cấp nền thứ 3, cách bờ kè đá phía Bắc cấp nền ba 87cm. Bó nền có hướng kéo dài theo chiều Đông - Tây, có hướng phát triển về phía Đông hố khai quật. Hiện trạng còn lại là 4 viên gạch xây xếp dài 60cm. Gạch sử dụng tại đây là gạch hình chữ nhật, chất liệu đất sét lẫn nhiều sạn sỏi laterit, xương gạch thô. Kích thước gạch dài từ 34cm - 35cm; rộng từ 13,5cm - 15,5cm, dày 7cm - 9cm. Đây có thể là một phần còn lại của bó nền thời Lê trung hưng (Hình 7).

Dấu tích bậc lên: Tại vị trí phía Đông cấp nền ba xuất lộ 2 dấu tích của bậc lên xuống từ cấp nền ba lên cấp nền trên cùng.

Tại vị trí cách góc Đông Bắc cấp nền 1,30m xuất lộ bậc lên xuống dài 3,50m, rộng 80cm- 85cm, dấu tích còn lại 06 lớp gạch. Toàn bộ là gạch hình chữ nhật, kích thước phổ biến dài 25cm-26cm; rộng từ 13cm-15,5cm. Gạch có màu nâu đỏ, trắng ngà (Hình 8).

Bậc lên xuống thứ hai phía Đông Nam, cách bắt góc Đông Nam cấp nền trên cùng 3,40m còn lại một hàng gạch dài 1,28m và xung quanh có nhiều gạch xáo trộn (Hình 9).

c. Di tích thời Nguyễn (thế kỷ XIX - XX)

Tại cấp nền trên cùng quá trình khai quật đã làm xuất lộ dấu tích của kiến trúc chùa thời Nguyễn thế kỷ XIX, với sự xuất lộ của 04 chân tảng đá (trong đó 01 chân tảng đá đã có dấu hiệu dịch chuyển). Các chân tảng đá nằm trên nền đất đầm lã gạch đá, đây có thể là một phần còn lại của kiến trúc có mặt bằng kéo dài theo chiều Bắc Nam, rộng theo chiều Đông Tây với bước gian 2,25m; lòng kiến trúc rộng 2,25m hiên rộng 1,15m. Trên tổng thể, đến giai đoạn thế kỷ XIX, mặt kiến trúc tại đây vẫn hoàn toàn giống với mặt bằng của giai đoạn thế kỷ XVII - XVIII (Hình 10).

Theo diễn biến hiện trường, chúng tôi cho rằng đến thời Nguyễn thế kỷ XIX - XX, về cơ bản mặt bằng kiến trúc chùa Hồ Bắc vẫn giữ nguyên như mặt bằng kiến trúc thời Lê Trung hưng.

1.4. Di vật

Tổng số di vật phát hiện được 464 tiêu bản. Trong đó đại bộ phận là các mảnh vỡ với các loại hình gốm men, sành, đất nung, gạch, ngói, đồ thờ... (Bảng 1).

Bảng 1. Các loại hình di vật phát hiện được

TT	Niên đại/ Loại hình	Gốm men	Sành	Đất nung	Gạch	Ngói	Đồ thờ	Tổng cộng
1	Trần	1	80	2		9		102
2	Lê sơ		7					7
3	Lê Trung hưng	40	34		164	113	2	353
4	Trung Quốc	2						2
	Tổng cộng	43	121	12	164	122	2	464



Hình 8. Dấu tích bậc lên xuống



Hình 9. Dấu tích bậc lên xuống



Hình 10. Dấu tích kiến trúc thời Nguyễn
(Nguồn: Tác giả)

a. Vật liệu kiến trúc

* Thời Trần (thế kỷ XIII - XIV)

Ngói thời Trần thu được tại địa điểm Hồ Bắc tổng cộng 33 mảnh thuộc hai loại hình ngói bò nóc (ngói lòng máng) và ngói phẳng. Trong đó ngói lòng máng 6 mảnh, ngói phẳng 27 mảnh.

Ngói lòng máng

Tổng số lượng thu được 6 mảnh, gồm: 2 mảnh đuôi ngói và 4 mảnh thân ngói.

Ngói có tiết diện hình lòng máng nhưng nông và đoãng hơn so với ngói ống. Toàn bộ trong tình trạng vỡ nát, không còn nhận diện được hình dạng và kích thước đầy đủ, còn nhận diện được phần thân và đuôi ngói.

Đuôi ngói loại ở dạng thẳng, bắt với thân ngói một góc 90^0 . Đuôi ngói được làm liền với thân ngói, cắt tạo khớp nối với thân ngói, rìa cạnh đuôi thẳng liền với phần thân ngói, phần đuôi ngói dày bằng 1/2 thân ngói. Chất liệu đất sét đỏ lẫn trắng loang lổ và pha nhiều sạn cát, ngói thô, mặt dưới còn vết khuôn, mặt trên còn vết cắt gọt. Kích thước thân ngói dày 1,5cm-1,8cm; đuôi ngói dài 1,2cm; Dày 0,6cm (Hình 11).



Hình 11. Mảnh ngói úp nóc thời Trần

Ngói phẳng

Tổng số lượng thu được bao gồm 27 mảnh, 6 mảnh đuôi và 21 mảnh thân. Toàn bộ thuộc loại hình ngói phẳng mũi nhọn. Đặc điểm nổi bật của loại ngói này là các mẫu cài đều bị méo mó và có các dấu vết ấn bằng đầu ngón tay. Phần thân ngói đều được tạo ra từ khuôn, do đó dấu vết kỹ thuật cắt chỉ xuất hiện ở một mặt ngói, còn mặt kia là dấu vết khuôn với các đường rìa cạnh vênh cong của đáy khuôn. Tất cả đều có màu đỏ, xương pha cát, lẫn sạn laterite; bề mặt thô sần sùi, ngói dày 0,8cm-1cm. Đối chiếu so sánh với các loại đuôi ngói phát hiện được ở Hoàng thành Thăng Long, thành Nhà Hồ, loại đuôi ngói này thuộc loại ngói mũi nhọn thân hình chữ nhật (Hình 12).

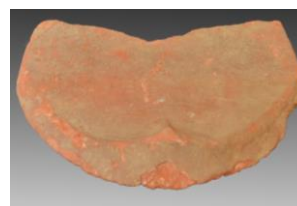


Hình 12. Mảnh đuôi ngói phẳng thời Trần

* Thời Lê Trung hưng (thế kỷ XVII - XVIII)

Ngói thời Lê Trung hưng

Tổng số lượng 9 mảnh, trong đó có 8 mảnh đầu ngói và 1 mảnh đuôi ngói. Toàn bộ thuộc loại hình ngói phẳng mũi sen, loại hình ngói này rất thống nhất về hình dáng, đặc điểm và kích thước. Đặc điểm chung là đầu ngói tròn, mũi ngói nhô cao so với thân từ 0,5cm-1cm và có sóng nổi ở mặt trên của viên ngói. Sóng nổi nổi từ mũi ngói dọc xuống thân (sóng nổi dài 3cm-5cm). Mũi ngói có hướng vát về phía trước. Ngói được tạo dáng bằng khuôn, mặt dưới có vết cắt dọc theo chiều viên ngói, mặt trên còn lại vết khuôn với các đường rìa cạnh vênh cong của đáy khuôn. Kích thước rộng từ 15cm-17cm, dày từ 1cm-1,5cm. Chất liệu đất sét màu đỏ pha lẫn sét màu trắng và lẫn nhiều sạn sỏi laterit. Loại hình ngói này phát hiện được nhiều ở khu vực Tây Yên Tử nói riêng và khu vực Yên Tử nói chung. Tại khu vực Tây Yên Tử loại hình ngói này phát hiện được nhiều ở địa điểm chùa Mã Yên (xã Bắc Lũng, huyện Lục Nam) (Lưu Văn Phú và nnk 2017), khu vực chùa Nghĩa Trung (xã Nghĩa Trung, huyện Việt Yên) (Thân Văn Tiệp và nnk 2022) (Hình 13).



Hình 13. Mảnh mũi ngói thời Lê Trung hưng
(Nguồn: Tác giả)

b. Đồ gốm men

* Gốm men thời Lê Trung hưng

Tại địa điểm Hồ Bắc thu được 75 mảnh, thuộc các dòng men trắng; men trắng vẽ lam; men nâu gồm các loại hình bát, đĩa, bình, chậu trong đó bát là loại hình chiếm số lượng lớn nhất (Bảng 2).

Bảng 2. Bảng kê gốm men Lê Trung hưng

STT	Loại hình					Tổng
1	Dòng men	Bát	Đĩa	Bình	Chậu	
2	Men trắng	36	4	13	9	62
3	Hoa lam	3	3			6
4	Men nâu	7				7
Tổng		46	7	13	9	75

Gốm men trắng

Là dòng gốm có số lượng lớn nhất thu được tại địa điểm Hồ Bắc (62 mảnh), thuộc các loại hình bát, đĩa, bình, chậu. Căn cứ vào đặc điểm, kỹ thuật có thể chia gốm men trắng thành các kiểu loại sau:

Bảng 3. Bảng kê gốm men trắng

STT	Loại hình	Loại kiểu	Đủ dáng	Miệng	Thân	Chân đế	Tổng
1	Bát	L1.K1		8	19	1	36
		L1.K2				2	
		L2.K1				5	
		L2.K2				1	
2	Đĩa	L2.K1	1			2	4
		L3				1	
3	Bình			10		3	13
4	Chậu		2	3	4		9
Tổng cộng			3	21	23	15	62

- Bát: Tổng số lượng thu được 36 mảnh, trong đó có 8 mảnh miệng, 19 mảnh thân, 9 mảnh chân đế. Toàn bộ thuộc loại hình bát gốm men trắng.

L1.K1: 01 mảnh chân đế. Bát có dáng cong, thành ngoài chân đế đứng, thành trong vát mặt cắt chân đế dạng hình thang, mép chân đế cắt phẳng, diện tiếp xúc phẳng. Lòng chân đế có rón nổi tròn ở giữa. Lòng bát rộng cong đều, còn lại 3 vết chân kê nhỏ ở trong lòng. Bát bị bong tróc toàn bộ men. Xương gốm màu trắng ngà, xốp. Kích thước chân đế: ĐK 7cm; cao 0.9cm (Hình 14a).

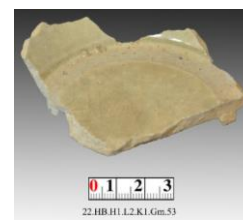
L1.K2: S 02 mảnh. Chân đế đứng, mặt cắt hình chữ nhật, mép chân đế cắt phẳng và được cạo men ở 2 rìa mép, lòng chân đế phủ men đến hết thành trong. Men phủ màu trắng ngà xanh, men bóng mặt. Lòng bát còn lại 2 vết chân kê tròn nhỏ. Xương gốm màu trắng xám (Hình 14b).



a. L1.K1



b. L1.K2



c. L2.K1

Hình 14. Mảnh chân đế bát Lê Trung hưng (Nguồn: Tác giả)

L2.K1: 05 mảnh. Đặc điểm chung, chân đế thấp cao từ 0,3cm-0,4cm. Mặt cắt chân đế dạng hình chữ nhật hoặc hình tam giác. Bát phủ men không hết thành ngoài, chân đế để mộc không phủ men, mặt cắt chân đế tiết diện phẳng, lòng chân đế có rón nổi tròn ở giữa. Lòng bát có đường ve lòng rộng từ 0,7cm-0,8cm. Thành bát dạng vát xiên. Lớp men phủ mỏng bóng mặt, men có dạng trắng ngà xanh, trắng ngà (Hình 14c).

- Đĩa: Tổng cộng 4 mảnh thuộc các loại: L2.K1 và L3.

L2.K1: 03 mảnh. Đĩa kê nung bằng ve lòng, chân đế để mộc. Đĩa cỡ nhỏ, dáng vát xiên, mép miệng vê tròn, chân đế thấp (0,2cm). Thành ngoài và chân đế đĩa không phủ men, thành trong men phủ, lớp men mỏng bóng, rạn mặt. Lòng chân đế ve lòng rộng 0,6cm. Xương gốm màu trắng xám (Hình 15a).

L3: 01 mảnh. Đĩa L3 không vẽ kê nung, đĩa dáng vát xiên, mép miệng vê cong, chân đế thấp liền thân, men phủ thành trong đến mép ngoài miệng, thành ngoài và đáy để mộc không phủ men, men phủ mỏng, bóng, rạn mặt. Xương gốm màu trắng xám (Hình 15b).

- Chậu: Số lượng 09 mảnh. Chậu có dáng vát xiên, miệng vê tròn dẹt hình giọt nước, dưới mép ngoài miệng vết lõm sâu phân biệt miệng với thân, đáy bằng. Men phủ màu trắng ngà, men phủ sát mép đáy, đáy để mộc. Xương gốm màu trắng xám.

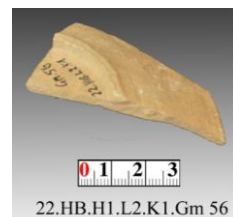
- Bình: Tổng số lượng thu được 13 mảnh, trong đó có 4 mảnh chân đế và 10 mảnh miệng. Chân đế bình thấp, cắt phẳng, mặt cắt chân đế dạng hình thang, diện tiếp xúc lớn, đáy để mộc không phủ men. Thành ngoài chân đế phủ men nâu. Lòng bình có đường ve lòng rộng 1,5cm. Miệng bình loe xiên, mép miệng vê tròn gấp vào trong tạo gờ và chồm ra ngoài so với thành trong của miệng. Men phủ màu trắng ngà xanh, lớp men mỏng bóng và rạn mặt. xương gốm mỏng 0,3cm, xương gốm màu trắng xám.

Gốm men hoa lam

Tổng số lượng 6 mảnh, trong đó đĩa 3 mảnh bát và 3 mảnh đĩa.

- Bát: Số lượng 3 mảnh, 1 mảnh đủ dáng, 2 mảnh chân đế. Bát gốm hoa lam toàn bộ thuộc L2.K2. Bát dáng thấp, thành bát vát xiên, miệng vê tròn, chân đế thấp, thành trong và thành ngoài chân đế vát xiên, được vê tròn và cạo men ở mặt tiếp xúc. Lòng bát trang trí hình hoa cúc cách điệu là những chấm tròn màu nâu sẫm giữa lòng (Hình 16a).

- Đĩa: Số lượng 3 mảnh, 1 mảnh đủ dáng, 2 mảnh chân đế. Đĩa gốm hoa lam toàn bộ thuộc L2.K1. Thuộc loại hình đĩa cỡ nhỏ, nông lòng, dáng vát xiên, miệng vát xiên, mép miệng vê tròn. Chân đế rất thấp (cao 0,2cm). Men chỉ phủ thành trong đến mép ngoài miệng, thành ngoài và chân đế để mộc. Lòng bát có đường ve lòng rộng 0,6cm và được trang trí bông hoa cúc ở giữa lòng dạng chấm tròn màu nâu sẫm. Men phủ màu trắng ngà hoặc trắng ngà xanh, lớp men mỏng bóng, một mảnh bị tróc men (Hình 16b).



a. L2.K1



b. L3

Hình 15. Mảnh đĩa Lê Trung hưng
(Nguồn: Tác giả)



a. Bát L2.K2



b. Đĩa L2.K1

Hình 16. Gốm men hoa lam Lê Trung hưng
(Nguồn: Tác giả)

Gốm men nâu

- Bát: Tổng số mảnh thu được 7 mảnh, trong đó 2 mảnh chân đế bát và 5 mảnh thân. Bát gốm men nâu thuộc L2.K2. Về đặc điểm hình dáng rất giống với chân đế bát gốm men hoa lam L2.K2. Chân đế thấp, thành trong và thành ngoài chân đế vát xiên, chân đế cắt phẳng và cao men ở mặt tiếp xúc và 2 rìa mép. Men nâu phủ bóng mặt, lớp men mỏng mịn. Lòng bát có đường ve lòng rộng 0,5cm.

*** Gốm men thế kỷ XX**

Số lượng 2 mảnh, 1 mảnh đủ dáng, 1 mảnh miệng.

Bát đủ dáng, bát dáng vát cong, miệng vát thẳng. Thành trong và thành ngoài chân đế vát xiên, chân đế cắt vát 2 mép, mặt cắt chân đế hình tam giác, diện tiếp xúc nhọn, chân đế cao men ở 2 rìa mép. Men phủ sát mép chân đế và lòng chân đế, men màu xám xanh mỏng và bóng. Thành ngoài trang trí hoa văn là những chấm dạng hạt thóc màu xám đen (bị vỡ nên không nhận diện được rõ hoa văn) lòng bát có đường ve lòng rộng 1,2cm.

*** Gốm men Trung Quốc**

Đĩa: 02 mảnh, 01 mảnh đĩa đủ dáng và 01 mảnh miệng. Đĩa dáng vát xiên, miệng vát xiên. Chân đế cắt vát 2 mép, mặt cắt chân đế hình tam giác, diện tiếp xúc nhỏ. Men màu trắng ngà xanh phủ sát mép chân đế, đáy đế để mộc. Thành trong trang trí hoa văn dạng hình lá ở thành đĩa. Lòng đĩa có đường ve lòng rộng 1,2cm. Đĩa cao 2,6cm; Đường kính miệng 14cm; Đường kính đáy 7cm; Chân đế cao 0,4cm.

d. Đồ sành*** Đồ sành thời Trần (thế kỷ XIII - XIV)**

Các hiện vật đồ sành thời Trần thu được tại địa điểm chùa Hồ Bắc gồm 3 loại hình di vật: lon, nắp, lọ. Trong đó lon là loại hình đồ sành chủ đạo và cũng là loại hình có số lượng hiện vật được phát hiện nhiều nhất tại địa điểm chùa Hồ Bắc.

Tiêu chí phân loại: L1 là nhóm lon cao, L2 là nhóm lon thấp. Kiểu đi từ đơn giản tới phức tạp, K1 là lon không trang trí hoa văn, kiểu 2 là lon trang trí hoa văn dạng nan chiếu, kiểu 3 là trang trí hoa văn nan chiếu kết hợp với hoa văn sóng nước (Bảng 4).

Bảng 4. Bảng kê các loại hình đồ sành thời Trần

Stt	Loại hình/ bộ phận	Lọ	Lon	Nắp đáy	Tổng
1	Đủ dáng		5		5
2	Miệng		17		17
3	Thân	1	80	5	86
4	Đáy		29		29
Tổng cộng		1	131	5	137

- Lọ: Số lượng 01 mảnh thân, lọ có kích thước nhỏ và thấp, vai nở, thân phình rộng có hướng thu nhỏ dần về đáy. Thân trang hoa văn dạng nan chiếu thô ở 1/2 nửa trên, nửa dưới để trơn. Xương gốm đánh mịn, bề mặt nhẵn bóng, thường có màu đỏ tía, xương gốm dày 0,4cm.

- Lon: Loại hình có số lượng lớn nhất, tổng lượng 131 mảnh. Cơ bản lon có dạng hình trụ, tuy nhiên có sự khác biệt về chiều cao. Đặc mép miệng nhọn, mặt cắt mép miệng hình tam giác cân; dáng lon thẳng hình trụ; chất liệu đánh mịn, đáy có vết xếp nung. Loại hình lon tại địa điểm chùa Hồ Bắc này thể hiện sự tiếp nối của truyền thống kiểu miệng từ thời Lý. Đây cũng là loại lon có niên đại sớm nhất thời Trần.

L1.K1: 01 tiêu bản. Đây là kiểu lon có niên đại sớm (thế kỷ XIII). Đặc điểm chung, miệng tuy đã đứng so với thân nhưng mặt cắt ngang vẫn là hình tam giác lệch, phần thân lon hơi chồm lên cùng cổ lon tạo thành một rãnh sâu, thành miệng ngoài bằng 2/3 thành miệng trong. Phần vai lon vẫn còn cong; mặt ngoài và đặc biệt là mặt trong vẫn còn rất nhiều dấu vết dải cuộn. Chất liệu sét pha cát, xương gốm màu xám (Hình 17).



Hình 17. Lon sành thời Trần (Nguồn: Tác giả)

L1.K2: 02 tiêu bản. Giống với L1.K1, miệng lon cũng có mặt cắt là hình tam giác nhưng thành miệng trong và thành miệng ngoài đều nhau tạo nên mặt cắt miệng dạng tam giác cân, các vết cắt được trau chuốt cẩn thận. Thành ngoài thân in văn nan chiều thô khoảng 2/3 thân, phần còn lại ở dưới để trơn, đặc biệt là mặt trong của hiện vật còn nhiều dấu vết dải cuộn. Chất liệu của lon sành vẫn là đất sét pha cát nhưng tỷ lệ cát tương đối thấp, lon có màu tím sẫm.

L2.K1: 01 tiêu bản. Đặc điểm giống lon L1.K1. Đây là kiểu lon có niên đại sớm (thế kỷ XIII), Miệng tuy đã đứng so với thân nhưng mặt cắt ngang vẫn là hình tam giác lệch, phần thân lon hơi chồm lên cùng vôi cổ lon tạo thành một rãnh sâu, thành miệng ngoài bằng 2/3 thành miệng trong. Phần vai lon vẫn còn cong; mặt ngoài và đặc biệt là mặt trong vẫn còn rất nhiều dấu vết dải cuộn. Thành ngoài in văn nan chiều thô và mờ. Chất liệu sét pha cát, thành phần cát ít, xương gốm tương đối mịn, lon có màu đỏ sẫm.

L2.K2: 01 tiêu bản. Đặc điểm giống lon L2.K1. Lon dạng hình trụ, mặt cắt ngang hình tam giác lệch, phần thân lon hơi chồm lên cùng vôi cổ lon tạo thành một rãnh sâu, thành miệng ngoài bằng 2/3 thành miệng trong. Phần vai lon vẫn cong; mặt trong vẫn còn rất nhiều dấu vết dải cuộn. Thành ngoài in văn nan chiều thô và mờ. Chất liệu sét pha cát, thành phần cát ít, xương gốm tương đối mịn, lon có màu xám. Phần thân tiếp giáp với đáy có nhiều vết ngón tay.

- Nắp đáy: Tổng số nắp đáy thời Trần thu được 7 mảnh, trong đó 5 mảnh miệng và 2 mảnh còn núm cầm. Nắp có dáng hình nón, núm cầm đặc, xung quanh núm cầm được miết vân xoáy theo chiều kim đồng hồ. Thân nắp thẳng vát hình chữ V; miệng nở rộng, mép cắt vát nhọn ở thành trong, thành ngoài liền với thân. Chất liệu là đất sét pha cát, xương gốm đánh chắc, màu đỏ tía. Trên thân nắp để mộc, bề mặt khá nhẵn, di vật thường có màu đỏ. Loại nắp này rất thống nhất về hình dáng và chất liệu.

Trên tổng thể, có thể thấy đồ sành thời Trần tại địa điểm chùa Hồ Bắc có các đặc điểm về cấu trúc miệng, kỹ thuật, chất liệu, họa tiết trang trí:

*** Đồ sành thời Lê Trung hưng (thế kỷ XVII - XVIII)**

Tổng số lượng phát hiện được 41 mảnh di vật thuộc các loại hình lon, bình, vò. Toàn bộ trong tình trạng vỡ nát, số lượng tiêu bản đủ đáng rất ít (Bảng 5).

Bảng 5. Bảng kê đồ sành thời Lê Trung hưng

Stt	Hiện trạng	Lon	Bình	Vò	Tổng cộng
1	Đủ dáng	3			3
2	Miệng	4		5	9
3	Thân	16	6		22
4	Đáy	7			7
	Tổng cộng	30	6	5	41

- Lon: 30 mảnh, trong đó chỉ có 3 hiện vật còn đủ dáng, chủ yếu là các mảnh miệng, thân và đáy. Loại lon này có cấu tạo giống nhau như nhất từ hình dáng, chất liệu, trang trí hoa văn, chỉ khác nhau ở kích thước.

Lon có dáng trụ, thân thẳng, đáy bằng. Miệng đứng, thành miệng dài, mặt cắt là hình thang. Thân thường trang trí văn khắc vạch dạng chỉ chìm, kết hợp với văn in đập nan chiều. Xương gốm dày 0,6cm-1,4cm. Thành miệng ngoài phân biệt với thân bằng 1 rãnh nhỏ, thành miệng trong phân biệt với thân bằng gờ, mép trên cắt phẳng. Chất liệu là đất sét, xương gốm dày, đanh chắc, màu đỏ tím; bề mặt gốm khá nhẵn, có màu nâu đỏ - màu rất đặc trưng cho đồ sành thế kỷ XVII - XVIII.

- Bình: Tổng số lượng thu được 6 mảnh thân. Bình có kích thước lớn, thân cao, cổ cao, miệng rộng hoặc thu nhỏ, vai nở hoặc vai xuôi, đáy thu. Trên vai được trang trí văn khắc vạch văn sóng nước kết hợp với văn in đập dạng nan chiều.

- Vò: Tổng số lượng thu được 5 mảnh miệng. Cấu tạo miệng là hoàn toàn giống nhau. Nhìn chung vò có kích thước nhỏ, dáng hình cầu; cổ vò cao 1,5cm-2cm cổ đứng. Miệng tạo liền với cổ không có gờ phân biệt (đường kính miệng phổ biến từ 15cm-17cm. Miệng bẻ lẹ, mép miệng vuốt nhọn; vai nở cong đều. Xương gốm mỏng đều (0,2cm-0,4cm), đanh chắc, lằn nhiều sạn cát, màu đỏ tía. Da gốm có màu nâu xám, lấm tấm hạt đen li ti. Trên vai vò thường có 2 đường gờ nổi.

e. Đồ đất nung thời Trần

Số lượng đất nung thu được gồm 18 mảnh, trong đó 11 mảnh miệng và 7 mảnh thân. Đồ đất nung tại địa điểm chùa Hồ Bắc chủ toàn bộ thuộc loại hình nôi. Nhìn chung nôi đều có dáng hình trụ hoặc cong, miệng khum, thành miệng lẹ ngang, mép miệng vè tròn. Phần tiếp giáp giữa miệng và thân ngoài có rãnh sâu. Thân cong tròn thu về đáy hoặc thân thẳng (loại này rất ít), để mộc; không tạo chân đế; được làm từ đất sét có lẫn nhiều sạn cát; xương gốm mỏng đều, đanh chắc; bên ngoài thường có vết cháy hoặc viết than tro.

2. Một số nhận xét

Về vị trí địa lý, cũng giống như những địa điểm chùa Bình Long, chùa Mã Yên, chùa Sơn Tháp... trên khu vực Tây Yên Tử thuộc địa phận tỉnh Bắc Giang, địa điểm chùa Hồ Bắc tọa lạc trên khu vực núi cao, rừng sâu xa khu dân cư, địa hình hiểm trở, đường đi đến khó khăn, gần đầu nguồn nước. Tuy nhiên, vị trí các ngôi chùa tọa lạc có không gian thoáng đãng, có núi cao che chắn.

Một đặc điểm chung của những địa điểm này, do được xây dựng trên những ngọn núi cao, độ dốc lớn, với nhiều cấp nền do vậy cần những tường kè đá. Đá được sử dụng ở những bờ kè toàn bộ là đá núi được khai thác tại chỗ. Hệ thống các di tích kiến trúc dấu đã bị phá hủy một phần bởi các điều kiện tự nhiên và xã hội, nhưng vẫn còn đó nền móng các công trình kiến trúc với các bờ kè có nhiều lớp kiên cố, được xây dựng trên cơ sở san gạt sườn núi, có thể cung cấp các nguồn tư liệu bằng vật chất minh chứng cho lịch sử vùng đất Bắc Giang và lịch sử ra đời và hình thành của hệ tư tưởng Thiền phái Trúc Lâm - Yên Tử.

Đợt khai quật năm 2022 bước đầu đã xác định được thời điểm xây dựng từ thời Trần, được trùng tu tôn tạo mở rộng vào thời Lê Trung hưng và tiếp tục tồn tại đến thời Nguyễn. Kết quả khai quật

mang đến những đóng góp mới cho sự nhận thức về khu vực Tây Yên Tử trong lịch sử. Cung cấp những tư liệu chân xác bù đắp những thiếu hụt về tư liệu giúp làm rõ diễn biến hình thành và tồn tại của địa điểm chùa Hồ Bắc, góp phần làm rõ cấu trúc, quy mô, sự biến chuyển của chùa Hồ Bắc qua các thời kỳ.

Với diện tích khai quật 200m² đợt khai quật chưa thể xác định được quy mô, mặt bằng kiến trúc của chùa vào thời Trần. Những tác động của tự nhiên, cùng sự tác động của những đợt xây dựng, tôn tạo lại chùa Hồ Bắc làm cho dấu vết kiến trúc vào thời Trần dần biến mất, do vậy việc xác định quy mô, cấu trúc mặt bằng của chùa Hồ Bắc vào thời Trần trở nên khó khăn. Căn cứ vào diễn biến địa tầng và hệ thống di vật thời Trần thu được tại đợt khai quật này cho thấy chùa Hồ Bắc đã được xây dựng từ thời Trần, trải qua thời gian đến thời Lê Trung hưng được tiến hành một đợt trung tu tôn tạo lớn và tiếp tục tồn tại đến thế kỷ XIX.

Sau thời Trần, khu vực chùa Hồ Bắc có thể hoàn toàn bị bỏ hoang và cho đến thế kỷ XVII - XVIII, tức là thời Lê Trung hưng tại đây dường như diễn ra một cuộc xây dựng, trùng tu tôn tạo lớn về quy mô cấu trúc của chùa. Đây cũng chính là những nguyên nhân khiến cho dấu tích thời Trần của chùa Hồ Bắc tại cấp nền trên cùng và một phần cấp nền bị phá hủy hoàn toàn.

Đến thế kỷ XIX, gần như chùa Hồ Bắc vẫn tồn tại với cấu trúc và mặt bằng hình chữ nhị như giai đoạn thế kỷ XVII - XVIII.

Cũng như những địa điểm chùa Bình Long (xã Huyền Sơn), chùa Sơn Tháp (xã Cẩm Lý), chùa Mã Yên (xã Bắc Lũng)... Các công trình kiến trúc tại chùa Hồ Bắc đã bị phá hủy mạnh hầu như gần hết, nhưng vẫn còn đó các bờ kè có nhiều lớp kiên cố, được xây dựng trên cơ sở san gạt sườn núi, có thể cung cấp các nguồn tư liệu bằng vật chất minh chứng cho lịch sử vùng đất Bắc Giang và lịch sử ra đời và hình thành của hệ tư tưởng Thiền phái Trúc Lâm - Yên Tử.

Khu vực sườn Tây Yên Tử thuộc địa phận tỉnh Bắc Giang là vùng đất có vị trí quan trọng. Từ xa xưa, trong lịch sử, sách Đại Nam Nhất thống chí khi chép về vị trí các núi ở khu vực này đã ghi và nhắc đến các địa danh: Núi Phật Sơn; núi Chúng Sơn; núi Tượng Sơn; núi Huyền Đanh; núi Am Ni; núi Yên Phú; núi Bắc Mã, Nham Biền... Các núi này ngày nay đều nằm phía sườn Tây Yên Tử thuộc các huyện Lục Nam, Lục Ngạn, Sơn Động, Yên Dũng của tỉnh Bắc Giang. Với địa thế núi cao cảnh đẹp nên từ xa xưa, khu vực các núi này đã được các vị vua thời Lý - Trần quan tâm lựa chọn là nơi dựng chùa, tu tâm, tham thiền học đạo.

Ngoài địa điểm chùa Hồ Bắc, dấu tích các ngôi chùa cổ thời Trần thuộc sườn Tây Yên Tử địa phận Bắc Giang còn được phát hiện ở chùa Yên Mã, xã Bắc Lũng, chùa Bình Long xã Huyền Sơn, chùa Cao, xã Khám Lạng, chùa Đồng Vành, xã Lục Sơn, thuộc huyện Lục Nam. Khảo sát các tư liệu Hán - Nôm và các truyền tích có liên quan đến di tích các ngôi chùa cổ trên dãy Yên Tử thuộc địa phận Bắc Giang các nhà nghiên cứu phát hiện nhiều nội dung có liên quan đến Thiền phái Trúc Lâm Yên Tử. Đến thời vua Trần Nhân Tông, hệ thống các ngôi chùa dần có dịch chuyển xuôi về vùng thấp (hạ sơn) gần với dân, với làng xã, mối quan hệ đó cũng được duy trì qua các đợt tham thiền vấn đạo giữa Yên Tử và các vua quan triều đình mà chùa Vĩnh Nghiêm, Yên Dũng - Trung tâm Phật giáo Thiền phái Trúc Lâm Yên Tử là một biểu hiện rõ nét.

Quá trình khảo sát, khai quật, thăm dò, chúng ta có thể nhận thấy từ thời Lý (thế kỷ XI), thời Trần (thế kỷ XIII - XIV), thời Lê Trung hưng (thế kỷ XVII - XVIII), thời Nguyễn thế kỷ (XIX - XX),

khu vực Tây Yên Tử (tỉnh Bắc Giang) đã có dấu tích các thiền sư đến nơi này tu hành dựng chùa. Với vị trí địa lý, cảnh quan núi cao, rừng hoang, thiên nhiên kỳ thú, hội tụ khí thiêng rất phù hợp với việc dựng chùa, tu thiền, giác ngộ đạo pháp xứng đáng là vùng đất linh là chốn Tổ của thiền phái Trúc Lâm.

Chùa Hồ Bắc có 1 vị trí rất quan trọng trên hệ thống Huyền Đinh - Yên Tử, đây được coi là điểm trung chuyển của 2 tuyến đường hành hương lên đỉnh Yên Tử: Tuyến đường phía Tây đi từ chùa Vĩnh Nghiêm và tuyến đường phía Đông đi từ chùa Thanh mai. Cả 2 tuyến này đều gặp nhau ở chùa Hồ Bắc, điều đó cho thấy, trong suốt chiều dài lịch sử, đặc biệt là thời Trần, chùa Hồ Bắc đảm đương vị trí quan trọng bậc nhất trong tổng thể hệ thống các chùa thời Trần trên dãy Yên Tử.

TÀI LIỆU DẪN

NGUYỄN LANG 1979. *Việt Nam Phật giáo sử luận*. Nxb. Văn Học - Hà Nội.

NGUYỄN THẾ KHÔI 2000. Chùa Hồ Bắc. Trong *NPHMVKCH năm 1999*. Nxb. KHXH, Hà Nội: 450-452.

BÙI VĂN HIẾU 2015. Kết quả khai quật chùa Hồ Bắc. Trong *NPHMVKCH năm 2014*. Nxb. KHXH, Hà Nội: 554-556.

NGUYỄN VĂN ĐÁP 2016. Giá trị văn hoá khảo cổ học Tây Yên Tử và một vài định hướng bảo tồn, tôn tạo, phát huy giá trị. Trong *KCH*, số 1-2016: 82-92.

LƯU VAN PHU và nnk 2017. *Báo cáo kết quả khai quật khảo cổ học địa điểm chùa Mã Yên xã Bắc Lũng, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang*. Tư liệu Viện Khảo cổ học.

THÂN VĂN TIỆP và nnk 2022. *Báo cáo sơ bộ kết quả khai quật địa điểm chùa Nghĩa Trung xã Nghĩa Trung, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang*. Tư liệu Hội Khảo cổ học.

EXCAVATION AT HỒ BẮC PAGODA SITE AT NGHĨA PHƯƠNG COMMUNE, LỤC NAM DISTRICT (BẮC GIANG) IN 2022

THÂN VĂN TIỆP

Hồ Bắc Pagoda (or Phúc Chủ Pagoda) is located on the Huyền Đinh - Yên Tử mountain range, at Nghĩa Phương commune, Lục Nam district, Bắc Giang province. Being on top of a high mountain, Hồ Bắc Pagoda is surrounded by many high mountains and deep abysses. It is these factors that make it a quiet place.

Initial excavation results make it possible to identify that Hồ Bắc Pagoda was built in the Trần-dynasty period, and then restored and expanded in the Lê-dynasty period and continued to exist until the Nguyễn-dynasty period. The excavation results contribute to a new perception of the West Yên Tử area in the history. They provide accurate data to clarify the formation and existence of the Hồ Bắc Pagoda site. Hồ Bắc Pagoda plays a very important position in the pagoda system of Trúc Lâm Yên Tử Buddhism on the Huyền Đinh - Yên Tử mountain range. It is considered the transit point of the two pilgrimage routes to the Yên Tử top: The West route from Vĩnh Nghiêm Pagoda and the East route from Thanh Mai Pagoda. They both meet each other at Hồ Bắc Pagoda, which shows that Hồ Bắc played the most important position in the system of the Trần-period pagodas on the Yên Tử mountain range throughout the history, especially in the Trần-dynasty period.